

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 17673/KW
NGÀY 07.5.2018
HUYỆN _____

PTDN

**TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017**

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn – TNHH Một Thành viên cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Tổng Công ty

Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn – TNHH Một Thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Tổng Công ty - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu, ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.796.569.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm 2017, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

2. Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo hợp nhất này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Nguyễn Hồng Anh	Việt Nam	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Toán	Việt Nam	Thành viên
Bà Chu Thị Tuyết Hạnh	Việt Nam	Thành viên
Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Thành viên
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toán	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Pha	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tăng Thị Thu Lý	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02/01/2017)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Việt Nam	Trưởng ban kiểm soát (đến tháng 04/2017)
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Việt Nam	Kiểm soát viên
Bà Võ Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Kiểm soát viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

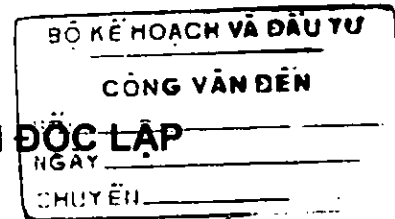


TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2018

35.
Y
TUH.
N
AM
CHI



Số: 156/2018/BCKTHN-HCM.00147



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và các công ty con (được gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 16 tháng 04 năm 2018, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 công ty con là Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông vẫn chưa có quyết định phê duyệt quỹ lương. Do đó, quỹ lương được trích trong năm 2017 là quỹ lương tạm tính. Nếu quỹ lương được duyệt thay đổi so với quỹ lương tạm tính sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn dẫn đến lợi nhuận trong năm 2017 sẽ thay đổi theo một khoản tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của công ty con là Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính này tại ngày 27 tháng 03 năm 2018.



NGUYỄN THỊ THANH MINH
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2018

ĐỖ CHÍ LIỀU
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3233-2015-009-1

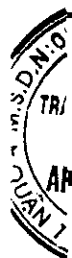
TÔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.629.710.284.247	2.714.637.038.887
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	750.029.642.577	979.248.530.418
Tiền	111		659.804.762.662	776.804.687.945
Các khoản tương đương tiền	112		90.224.879.915	202.443.842.473
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		351.353.228.128	251.476.010.492
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	351.353.228.128	251.476.010.492
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		720.769.811.704	762.739.286.138
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	536.221.620.718	563.326.227.781
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	38.399.735.103	70.738.319.979
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	366.286.634	366.286.634
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	168.871.914.873	148.024.375.165
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(26.108.213.935)	(22.734.391.732)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.018.468.311	3.018.468.311
Hàng tồn kho	140	5.8	794.015.183.892	685.183.938.572
Hàng tồn kho	141		794.015.183.892	685.183.938.572
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.542.417.946	35.989.273.267
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	1.427.463.424	1.475.232.078
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.16	1.427.270.713	47.775.377
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	10.687.683.809	34.466.265.812



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.948.676.505.841	3.514.741.482.145
Các khoản phải thu dài hạn	210		35.358.709.487	14.633.870.083
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	35.358.709.487	14.633.870.083
Tài sản cố định	220		934.547.123.136	925.830.026.007
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	914.913.358.760	905.857.983.414
Nguyên giá	222		2.101.053.319.392	1.971.042.383.648
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.186.139.960.632)	(1.065.184.400.234)
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	19.633.764.376	19.972.042.593
Nguyên giá	228		33.695.807.886	33.032.707.886
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.062.043.510)	(13.060.665.293)
Bất động sản đầu tư	230	5.12	8.172.825.121	9.669.802.837
Nguyên giá	231		37.488.593.253	37.488.593.253
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(29.315.768.132)	(27.818.790.416)
Tài sản dở dang dài hạn	240		596.850.767.018	380.258.101.343
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	596.850.767.018	380.258.101.343
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	2.212.300.670.012	2.054.748.951.818
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.050.400.670.012	2.042.748.951.818
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		161.700.000.000	12.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		161.446.411.067	129.600.730.057
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	155.105.609.487	123.108.728.477
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.340.801.580	6.492.001.580
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.578.386.790.088	6.229.378.521.032


TÔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

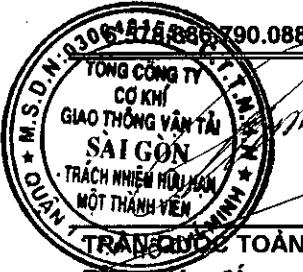
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.951.296.132.632	2.821.049.558.651
Nợ ngắn hạn	310		2.129.169.710.202	2.097.119.524.772
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	286.767.995.425	283.820.394.205
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	61.054.173.833	85.037.152.046
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	316.887.932.464	216.960.237.503
Phải trả người lao động	314		233.466.871.110	216.735.115.246
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17.1	3.268.887.420	16.739.047.444
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	3.128.502.993
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18.1	509.932.792	3.497.446.521
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19.1	222.045.392.602	274.330.050.907
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20.1	654.319.851.532	723.389.869.085
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		17.071.518.606	17.527.573.326
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		333.777.154.418	255.954.135.496
Nợ dài hạn	330		822.126.422.430	723.930.033.879
Chi phí phải trả dài hạn	333	5.17.2	11.804.699.927	11.804.699.927
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18.2	167.749.044.624	174.892.294.397
Phải trả dài hạn khác	337	5.19.2	393.972.051.844	337.038.921.856
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20.2	148.837.582.045	121.089.161.697
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		99.763.043.990	79.104.956.002
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.627.090.657.456	3.408.328.962.381
Vốn chủ sở hữu	410		3.627.090.657.456	3.408.328.962.381
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.21	1.754.858.280.515	1.740.891.113.278
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		105.841.187.085	107.293.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.21	413.783.153.249	199.288.833.203
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	5.21	161.357.400.554	397.459.860.471
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.21	927.523.138.424	755.285.155.766
LNST chưa phân phối năm trước	421a		123.083.012.406	118.409.178.729
LNST chưa phân phối năm nay	421b		804.440.126.018	636.875.977.037
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		263.727.497.629	208.110.499.663
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.229.378.521.032	6.229.378.521.032


 NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ
 Người lập


 PHẠM HOÀNG HIỆP
 Kế toán trưởng


 TRẦN QUỐC TOÀN
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2018


TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

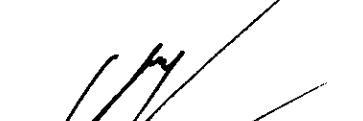
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.786.946.936.806	8.210.512.289.764
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		309.025	8.798.324.810
Doanh thu thuần	10	6.1	6.786.946.627.781	8.201.713.964.954
Giá vốn hàng bán	11	6.2	6.051.894.198.442	7.298.587.393.279
Lợi nhuận gộp	20		735.052.429.339	903.126.571.675
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	309.616.185.251	51.100.543.758
Chi phí tài chính	22	6.4	46.366.848.177	24.829.996.374
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		44.061.524.403	39.090.914.738
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		364.433.314.706	298.196.494.907
Chi phí bán hàng	25	6.5	179.440.700.946	185.079.270.438
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	305.759.979.363	339.461.609.418
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		877.534.400.810	703.052.734.110
Thu nhập khác	31	6.7	103.011.258.523	86.151.540.706
Chi phí khác	32	6.8	9.772.188.346	13.149.636.437
Lợi nhuận khác	40		93.239.070.177	73.001.904.269
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		970.773.470.987	776.054.638.379
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		108.791.161.481	89.792.547.672
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		151.200.000	3.945.399.726
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		861.831.109.506	682.316.690.981
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		804.440.126.018	636.875.977.037
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		57.390.983.488	45.440.713.944


NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ
 Người lập


PHẠM HOÀNG HIỆP
 Kế toán trưởng




TRẦN QUỐC TOÀN
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	970.773.470.987	776.054.638.379
Khấu hao tài sản cố định	02	129.909.272.411	152.543.466.779
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	3.373.822.203	5.565.765.679
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	96.525.399	(359.147.574)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(427.699.600.393)	(49.931.928.612)
Chi phí lãi vay	06	44.061.524.403	39.090.914.738
Các khoản điều chỉnh khác	07	24.600.000.000	29.659.777.999
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	745.115.015.010	952.623.487.388
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(73.311.058.106)	11.619.928.734
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(113.470.768.251)	147.200.662.000
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(166.294.184.751)	(294.954.765.003)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(28.574.454.652)	(8.175.876.443)
Tiền lãi vay đã trả	14	(35.031.884.876)	(39.898.751.674)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(71.669.349.647)	(125.332.442.249)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.718.429.753	47.829.744.315
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(50.592.922.547)	(34.769.334.508)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	207.888.821.933	656.142.652.560
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(305.844.308.259)	(96.928.834.880)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	605.371.818	12.741.289.071
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(287.900.000.000)	(321.526.309.890)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	188.500.000.000	275.086.810.891
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(36.854.689.190)	(1.270.177.311)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	53.945.668.496	70.449.497.404
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	311.728.375.521	42.555.490.288
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(75.819.581.614)	(18.892.234.427)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	9.054.545.940.453	4.538.324.641.769
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.095.867.537.658)	(4.572.262.990.983)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(319.886.941.639)	(360.880.858.454)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(361.208.538.844)	(394.819.207.668)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(229.139.298.525)	242.431.210.465
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	979.248.530.418	736.405.735.312
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(79.589.316)	411.584.641
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	780.029.642.577	979.248.530.418


NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ
Người lập


PHẠM HOÀNG HIỆP
Kế toán trưởng




TRẦN QUỐC TOÁN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Tổng Công ty - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong năm 2017, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Tập đoàn

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Số 09 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp các dịch vụ bốc xếp, nâng, hạ container, phí ra cảng, cho thuê phương tiện thiết bị xe cầu, xe nâng, cho thuê kho bãi và giao nhận hàng hóa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Số 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	100,00%	100,00%	100,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	163 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Số 42, 42A, 42C Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bốc xếp hàng hóa, kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ sửa chữa tàu ghe, cung ứng hàng hóa ăn uống và nhà trọ, kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng cho ngành, đại lý giao nhận kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.	76,73%	76,73%	76,73%
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Số 720, QL 1A, KP 3B, Phường. Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Số 395 Kinh Dương Vương, An Lạc, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển và giao nhận, dịch vụ hậu cần.	51,00%	51,00%	51,00%

Các công ty liên doanh được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH VT Kumho Samco Buslines	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Vận chuyển hành khách, thuê xe hợp đồng, đưa rước nhân viên, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng.	51,00%	50,00%	51,00%
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	151A Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận chuyển, cho thuê thiết bị và điều hành tour du lịch.	50,00%	50,00%	50,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xe buýt, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	Số 18 Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	Số 124 Tùng Thiện Vương, Phường 11, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng cầu đường.	48,47%	48,47%	48,47%
Công ty CP Hòa Phú	Số 121 Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư kỹ thuật, dịch vụ tư vấn đầu tư, sản xuất nước tinh khiết.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty CP Ô tô An Thái	268 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Sửa chữa bảo hành xe ô tô, xe cơ giới (không gia công cơ khí tại trụ sở), mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xe ô tô hạng sang – phụ tùng – phụ kiện - sửa chữa và bảo dưỡng ô tô các loại.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	26 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP. Hồ Chí Minh	Chuyên bán các loại xe ô tô Toyota mới, dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô.	37,67%	37,67%	37,67%
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	Số 33 Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.	36,60%	36,60%	36,60%
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh.	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	Số 13 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất xe có động cơ.	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	Số 51/13, Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ.	29,93%	29,93%	29,93%
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	Số 695 Quang Trung, P8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp và phân phối các sản phẩm xe thương mại nhãn hiệu Isuzu.	20,00%	20,00%	20,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh	Số 9 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ.	26,01%	26,01%	13,27%
Công ty TNHH Dịch vụ Công Ten nơ ERRIA	7-9-11 Mai Thị Lựu, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ.	24,99%	24,99%	12,74%
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	Số 9 Nguyễn Công Trứ P. Nguyễn Thái Bình Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ.	26,01%	26,01%	13,27%
Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng	Khu B1-6 KCN Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, P. Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	Vận tải hàng hóa đường bộ.	56,44%	56,44%	56,44%
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu	Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hoá đường bộ, đường biển.	45,15%	45,15%	45,15%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trong bảng cân đối kế toán, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của các công ty liên kết. Nếu phần sở hữu của

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tập đoàn không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính là bằng không (0). Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Tập đoàn chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là quyền cùng chi phối của các bên góp vốn liên doanh về các chính sách tài chính và hoạt động đối với một hoạt động kinh tế trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng.

Phần vốn góp của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Trường hợp Tập đoàn giao dịch với các đơn vị liên doanh của Tập đoàn, lãi/lỗ chưa thực hiện, tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào đơn vị liên doanh được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với dịch vụ sửa chữa và lắp ráp xe, Tập đoàn áp dụng hình thức khoán vật tư, nhân công theo định mức cho từng loại dịch vụ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà, xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 07

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

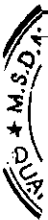
Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa.

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 – 05 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, trong đó:

	Năm
Tiền thuê đất	50
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	03

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1-3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

4.15 Các khoản trích theo lương

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí đến ngày 31/05/2017 là 18%, từ ngày 01/06/2017 trở đi là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương tối thiểu vùng vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng trong năm bao gồm doanh thu đại lý mua bán xe các loại và xe buýt tự sản xuất, xe chuyên dùng tự sản xuất và nhập khẩu.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

0446
CÔNG
NHIỆP
M T
VIỆT
P. H

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Theo qui định hiện hành, các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của Báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	TP. HCM	Công ty Liên doanh
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	TP. HCM	Công ty Liên doanh
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Hoà Phú	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	TP. HCM	Công ty Liên kết

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Ô tô An Thái	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Công Ten nơ ERRIA	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng	Đà Nẵng	Công ty Liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu	TP. HCM	Công ty Liên kết

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Tổng Công ty (gồm các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt tồn quỹ	16.236.337.014	9.662.676.295
Tiền gửi ngân hàng	643.568.425.648	767.142.011.650
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	90.224.879.915	202.443.842.473
	<u>750.029.642.577</u>	<u>979.248.530.418</u>

5.2 Các khoản đầu tư

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 1 năm.

5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(1)	2.050.400.670.012	2.042.748.951.818
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(2)	161.700.000.000	12.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(3)	200.000.000	-
		<u>2.212.300.670.012</u>	<u>2.054.748.951.818</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP Cảng Phú Định	-	181.812.453.243
Công ty CP Đông Tàu An Phú	27.621.080.568	26.309.497.709
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	138.065.606.150	84.532.168.575
Công ty TNHH Isuzu Việt Nam	272.523.029.562	256.098.692.640
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	862.497.872.389	775.262.211.170
Công ty TNHH Dịch Vụ Ô Tô Sài Gòn Toyota Tshusho	43.299.398.343	41.306.503.287
Công ty CP Hòa Phú	50.259.371.539	50.002.257.183
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	1.367.827.850	-
Công ty CP Vận Tải Ô Tô Số 2	21.850.277.879	15.432.765.597
Công ty LD Vận tải Thủy Sea Sài Gòn	18.983.934.769	-
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	122.099.970.135	133.364.797.264
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	27.649.085.321	31.767.447.777
Công ty LD giao nhận kho vận Bình Minh	41.427.203.947	42.739.443.732
Công ty TNHH Dịch vụ Công Ten Nơ ERRIA	-	6.261.274.672
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	786.401.825	630.839.418
Công ty CP Tân Cảng - Phú Hữu	87.403.890.341	77.313.041.298
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	302.572.673.939	295.214.343.899
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	17.534.987.554	16.741.131.866
Công ty CP Ô tô An Thái	14.458.057.901	7.960.082.488
	2.050.400.670.012	2.042.748.951.818

(2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP TM DV Quảng Trường Quốc Tế	-	12.000.000.000
Công ty CP Cảng Phú Định (*)	161.700.000.000	-
	161.700.000.000	12.000.000.000

(*) Đây là khoản đầu tư vào Công ty CP Cảng Phú Định với tỷ lệ góp vốn là 16,17%.

(3) Là giá trị của 20 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	1.918.566.167	1.805.137.950
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	30.137.360	6.212.693.352
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	17.896.666.198	627.482.207
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	102.052.034	204.947.329
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh	1.123.554.552	1.098.243.838
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	2.920.000.000	160.919.707
Các tổ chức khác		
Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Ô Tô Gia Định	99.759.296.960	125.602.546.960
Tổng Công ty vận tải Hà Nội	54.207.780.000	-
Các khách hàng khác	358.263.567.447	427.614.256.438
	536.221.620.718	563.326.227.781

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Hòa Phú	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	148.715.584	-
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	3.406.427.270	5.183.789.000
Các tổ chức khác		
Các nhà cung cấp khác	22.844.592.249	53.554.530.979
	38.399.735.103	70.738.319.979

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	366.286.634	366.286.634
	366.286.634	366.286.634

5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty TNHH Vận tải				
Kumho Samco Buslines	2.550.000.000	-	-	-
Công ty TNHH				
Mercedes-Benz Việt Nam	1.090.909.091	-	-	-
Công ty TNHH Ô tô				
Isuzu Việt Nam	119.953.511	-	-	-
Công ty TNHH Vận Tải				
Sông Sài Gòn	123.605.791	-	-	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng –				
Phú Hữu	16.358.851.920	-	-	-
Công ty Liên doanh Vận tải				
thủy Sea Saigon	5.849.054.747	-	-	-
Công ty TNHH Liên Doanh				
Giao nhận Kho vận Bình Minh	53.407.090	-	-	-
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	2.940.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác				
Phải thu cổ phần hóa	1.400.146.293	-	405.922.093	-
Lãi dự thu, lãi cho vay phải thu	1.657.921.649	-	1.209.378.418	-
Tạm ứng	11.545.741.674	-	33.827.118.895	-
Tạm ứng cho đội thi công	-	-	64.019.503.725	-
Ký quỹ	3.630.281.454	-	530.800.189	-
Phải thu khác	121.552.041.653	-	48.031.651.845	-
	168.871.914.873	-	148.024.375.165	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Dĩ An	1.624.369.264	-	10.000.000.000	-
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9	507.507.000	-	1.856.875.000	-
Nguyễn Thị Khương – ký quỹ	28.800.000.000	-	-	-
Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh – ký quỹ	1.075.048.140	-	-	-
Ký quỹ khác	593.000.000	-	802.455.000	-
Phải thu khác	2.758.785.083	-	1.974.540.083	-
	35.358.709.487	-	14.633.870.083	-

044
CỘNG
HỮU
HẠN
MỘT
THÀNH VIÊN
TP. HỒ CHÍ MINH

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7 Nợ xấu

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND
Bên liên quan						
Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	5.849.054.747	-	(5.849.054.747)	5.849.054.747	-	(5.849.054.747)
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	489.892.425	-	(489.892.425)	489.892.425	-	(489.892.425)
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	619.490.295	-	(619.490.295)	619.490.295	-	(619.490.295)
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	8.764.290	-	(8.764.290)	-	-	-
Các khách hàng khác						
Công ty TNHH Quốc Đạt	5.128.185.922	-	(5.128.185.922)	5.128.185.922	-	(5.128.185.922)
Công ty TNHH TM DV Phương Hoàng	3.122.999.995	-	(3.122.999.995)	3.122.999.995	-	(3.122.999.995)
Các khách hàng khác	10.889.826.261	-	(10.889.826.261)	7.524.768.348	-	(7.524.768.348)
	26.108.213.935	-	(26.108.213.935)	22.734.391.732	-	(22.734.391.732)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	327.972.724	-
Nguyên liệu, vật liệu	324.906.905.938	-	260.262.267.948	-
Công cụ dụng cụ	1.514.704.340	-	1.558.751.671	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	148.964.165.994	-	147.189.107.556	-
Thành phẩm	189.157.960.022	-	172.615.580.532	-
Hàng hóa	127.280.518.623	-	99.137.221.870	-
Hàng gửi đi bán	2.190.928.975	-	4.093.036.271	-
	794.015.183.892	-	685.183.938.572	-

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công cụ dụng cụ	-	54.079.545
Chi phí sửa chữa	509.733.284	697.186.547
Chi phí khác	917.730.140	723.965.986
	1.427.463.424	1.475.232.078

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền thuê đất	72.390.566.458	38.929.871.672
Công cụ dụng cụ	856.031.242	894.786.419
Chi phí sửa chữa	402.118.941	10.486.390
Chi phí san lấp mặt bằng Cảng Phú Hữu	36.299.526.022	39.197.133.218
Chi phí đến bù giải phóng mặt bằng Cảng Phú Hữu	41.840.676.013	41.492.821.213
Chi phí khác	3.316.690.811	2.583.629.565
	155.105.609.487	123.108.728.477

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2017	1.271.536.826.225	203.663.375.120	402.382.707.058	25.448.950.075	68.010.525.170	1.971.042.383.648
Mua sắm trong năm	941.491.178	12.876.638.001	76.064.945.735	901.131.363	541.902.400	91.326.108.677
Đầu tư XDCB hoàn thành	44.455.988.576	4.555.606.817	1.845.482.727	-	-	50.857.078.120
Tăng khác	732.599.268	276.883.575	4.269.232.727	-	-	5.278.715.570
Giảm do thanh lý	-	(1.369.492.090)	(8.227.034.340)	(735.283.623)	-	(10.331.810.053)
Giảm khác	(2.487.806.434)	(58.044.000)	(4.269.232.727)	(44.918.908)	(259.154.501)	(7.119.156.570)
Tại ngày 31/12/2017	1.315.179.098.813	219.944.967.423	472.066.101.180	25.569.878.907	68.293.273.069	2.101.053.319.392
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2017	565.980.954.705	104.820.746.546	342.740.872.256	17.888.819.042	33.753.007.685	1.065.184.400.234
Khấu hao trong năm	64.586.064.976	25.736.048.208	23.197.168.118	3.280.959.503	13.184.080.333	129.984.321.138
Giảm do thanh lý	-	(1.377.600.602)	(5.951.338.631)	(735.283.623)	-	(8.064.222.856)
Giảm khác	(802.937.119)	-	-	(38.181.048)	(123.419.717)	(964.537.884)
Tại ngày 31/12/2017	629.764.082.562	129.179.194.152	359.986.701.743	20.396.313.874	46.813.668.301	1.186.139.960.632
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	705.555.871.520	98.842.628.574	59.641.834.802	7.560.131.033	34.257.517.485	905.857.983.414
Tại ngày 31/12/2017	685.415.016.251	90.765.773.271	112.079.399.437	5.173.565.033	21.479.604.768	914.913.358.760

Tại ngày 31/12/2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 349.912.954.076 VND được thế chấp ở Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

TÔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Hệ thống quản lý chất lượng VND	Quyền sử dụng đất VND	Lợi thế thương mại VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2017	10.756.668.771	217.654.582	11.192.092.000	1.425.873.503	9.440.419.030	33.032.707.886
Tăng trong năm	448.800.000	-	-	-	-	448.800.000
Tăng từ XDCB	214.300.000	-	-	-	-	214.300.000
Tại ngày 31/12/2017	11.419.768.771	217.654.582	11.192.092.000	1.425.873.503	9.440.419.030	33.695.807.886
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2017	8.357.208.683	217.654.582	877.402.000	1.425.873.503	2.182.526.525	13.060.665.293
Khấu hao trong năm	791.591.133	-	-	-	209.787.084	1.001.378.217
Tại ngày 31/12/2017	9.148.799.816	217.654.582	877.402.000	1.425.873.503	2.392.313.609	14.062.043.510
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	2.399.460.088	-	10.314.690.000	-	7.257.892.505	19.972.042.593
Tại ngày 31/12/2017	2.270.968.955	-	10.314.690.000	-	7.048.105.421	19.633.764.376

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.12 Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà kho, bến bãi VND	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2017	10.525.737.911	8.992.704.000	17.970.151.342	37.488.593.253
Tại ngày 31/12/2017	10.525.737.911	8.992.704.000	17.970.151.342	37.488.593.253
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2017	8.366.079.298	4.350.385.150	15.102.325.968	27.818.790.416
Khấu hao trong năm	183.720.000	194.681.976	1.118.575.740	1.496.977.716
Tại ngày 31/12/2017	8.549.799.298	4.545.067.126	16.220.901.708	29.315.768.132
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2017	2.159.658.613	4.642.318.850	2.867.825.374	9.669.802.837
Tại ngày 31/12/2017	1.975.938.613	4.447.636.874	1.749.249.634	8.172.825.121

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công Trình xây dựng Bến xe Miền Đông mới	500.776.257.477	315.731.296.095
Các công trình khác	96.074.509.541	64.526.805.248
	596.850.767.018	380.258.101.343

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	59.450.000	599.910.000
Công ty CP Hòa Phú	55.836.270	6.953.000
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	-	138.773.531
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	57.340.269.401	32.498.534.690
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	513.840.922	381.574.815
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	4.266.363.638	4.974.545.456
Công ty CP Công trình Giao Thông Quận 8	-	37.737.200
Các tổ chức khác	224.532.235.194	245.182.365.513
	286.767.995.425	283.820.394.205

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	11.907.000.000	5.600.000
Các tổ chức khác		
Công ty CP Bất động sản Tiến Phước	10.962.903.124	-
Các khách hàng khác	38.184.270.709	85.031.552.046
	61.054.173.833	85.037.152.046

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") đầu vào được khấu trừ

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.427.270.713	47.775.377

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.062.888	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	260.486.080	21.830.026.939
Thuế thu nhập cá nhân	7.020.458.662	6.523.495.549
Thuế đất	3.399.176.603	6.101.174.508
Thuế khác	6.499.576	11.568.816
	<u>10.687.683.809</u>	<u>34.466.265.812</u>

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	28.383.661.541	21.607.160.808
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.404.825.746	15.853.004.772
Thuế thu nhập cá nhân	1.068.637.836	1.104.010.621
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.613.441.008	4.108.668.322
Thuế khác	253.417.366.333	174.287.392.980
	<u>316.887.932.464</u>	<u>216.960.237.503</u>

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn

5.17.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công trình xây dựng	1.988.698.934	14.866.629.617
Chi phí khác	1.280.188.486	1.872.417.827
	<u>3.268.887.420</u>	<u>16.739.047.444</u>

5.17.2 Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền thuê đất	11.804.699.927	11.804.699.927
	<u>11.804.699.927</u>	<u>11.804.699.927</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.18 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn

5.18.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Cung cấp hàng hóa	-	2.718.181.818
Doanh thu chưa thực hiện khác	509.932.792	779.264.703
	<u>509.932.792</u>	<u>3.497.446.521</u>

5.18.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan - Dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng		
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	108.573.053.633	113.847.857.860
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	48.159.824.513	50.348.907.447
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn khác	11.016.166.478	10.695.529.090
	<u>167.749.044.624</u>	<u>174.892.294.397</u>

5.19 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	605.412.060	256.868.622
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.619.725.320	5.238.568.202
Lãi vay phải trả	8.846.593.753	2.408.986.850
Nhận ký quỹ ngắn hạn	8.363.490.273	8.373.479.466
Phải trả các đội thi công	196.111.473.379	197.295.537.329
Phải trả khác	3.498.697.817	60.756.610.438
	<u>222.045.392.602</u>	<u>274.330.050.907</u>

5.19.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nhận ký quỹ dài hạn	8.809.375.400	3.737.276.197
Ngân sách cấp tiền dự án Bến xe Miền Đông mới	371.813.949.833	323.900.550.239
Phải trả khác	13.348.726.611	9.401.095.420
	<u>393.972.051.844</u>	<u>337.038.921.856</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng	489.962.061.795	561.184.479.348
Các đơn vị khác	112.770.510.085	131.270.510.085
Kỳ phiếu nội bộ	5.950.000.000	5.150.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	45.637.279.652	25.784.879.652
	<u>654.319.851.532</u>	<u>723.389.869.085</u>

5.20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng	143.972.519.037	96.371.698.689
Các đơn vị khác	50.502.342.660	50.502.342.660
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(45.637.279.652)	(25.784.879.652)
	<u>148.837.582.045</u>	<u>121.089.161.697</u>

TÔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.21 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư 01/01/2016	1.582.941.527.444	53.428.193.664	349.974.011.156	609.759.863.978	2.596.103.596.242
Tăng vốn trong năm	157.949.585.834	-	-	-	157.949.585.834
Lãi trong năm	-	-	-	636.926.417.958	636.926.417.958
Trích quỹ	-	177.190.400.790	-	(177.190.400.790)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(111.185.395.106)	(111.185.395.106)
Sử dụng quỹ	-	(4.584.577.973)	-	-	(4.584.577.973)
Tăng khác	-	-	47.485.849.315	14.912.229.360	62.398.078.675
Giảm khác	-	(26.981.626.195)	-	(15.414.588.934)	(42.396.215.129)
Số dư 31/12/2016	1.740.891.113.278	199.288.833.203	397.459.860.471	755.285.155.766	3.092.924.962.718
Số dư 01/01/2017	1.740.891.113.278	199.288.833.203	397.459.860.471	755.285.155.766	3.092.924.962.718
Kết chuyển khoản bù đắp giảm vốn điều lệ do cổ phần hóa công ty con	23.727.472.493	-	(23.727.472.493)	-	-
Điều chỉnh giảm vốn đối với giá trị tài sản cố định không cần dùng	(9.759.705.256)	-	-	-	(9.759.705.256)
Điều chỉnh giảm vốn do chênh lệch	(600.000)	-	-	-	(600.000)
Điều chỉnh giảm theo Quyết định số 339 của Thanh tra chính phủ	-	(1.903.469.494)	-	-	(1.903.469.494)
Lãi trong năm	-	-	-	804.440.126.018	804.440.126.018
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	216.397.985.076	-	(216.397.985.076)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thường ban quản lý	-	-	-	(110.967.363.506)	(110.967.363.506)

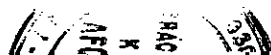
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Giảm trong năm	-	(195.536)	(214.800.861.306)	-	(214.801.056.842)
Tăng khác trong năm	-	-	2.425.873.882	2.090.805.150	4.516.679.032
Kết chuyển lợi nhuận về cho chủ sở hữu	-	-	-	(306.927.599.928)	(306.927.599.928)
Số dư 31/12/2017	1.754.858.280.515	413.783.153.249	161.357.400.554	927.523.138.424	3.257.521.972.742

Tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn chưa phân phối lợi nhuận theo hướng dẫn Nghị định 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp.

5.22 Khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2017	01/01/2017
Dolla Mỹ (USD)	1.490.359,03	1.208.789,08



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu thuần

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng		
Doanh thu bán hàng hóa	3.491.494.231.275	3.502.954.894.106
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	1.745.974.900.269	2.601.234.090.983
Doanh thu khác	1.549.477.805.262	2.106.323.304.675
	<u>6.786.946.936.806</u>	<u>8.210.512.289.764</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(309.025)	(8.798.324.810)
Doanh thu thuần	<u>6.786.946.627.781</u>	<u>8.201.713.964.954</u>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa	3.379.175.544.399	3.361.462.273.356
Giá vốn tiêu thụ thành phẩm	1.589.951.917.678	2.332.258.176.948
Giá vốn khác	1.082.766.736.365	1.604.866.942.975
	<u>6.051.894.198.442</u>	<u>7.298.587.393.279</u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	24.416.601.997	23.692.850.602
Doanh thu kinh doanh chứng khoán	1.389.787.500	9.703.591.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.129.302.128	9.376.585.727
Xử lý tiền thu từ cổ phần hóa	209.187.669.536	-
Lãi tỷ giá hối đoái	262.795.120	806.800.186
Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối năm	-	359.147.574
Thu nhập tài chính khác	27.230.028.970	7.161.568.669
	<u>309.616.185.251</u>	<u>51.100.543.758</u>

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	44.061.524.403	39.090.914.738
Hoàn nhập dự phòng	(661.114.773)	(16.688.580.000)
Lỗ tỷ giá hối đoái	1.618.758.898	1.048.613.589
Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối năm	94.114.788	-
Chi phí tài chính khác	1.253.564.861	1.379.048.047
	<u>46.366.848.177</u>	<u>24.829.996.374</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	55.314.105.142	36.277.830.661
Chi phí vật liệu	1.863.492.294	1.553.924.658
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.838.811.064	1.958.663.492
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.876.142.311	7.635.844.513
Chi phí bảo hành	3.402.393.373	4.167.360.556
Chi phí bán hàng khác	112.145.756.762	133.485.646.558
	<u>179.440.700.946</u>	<u>185.079.270.438</u>

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	200.267.387.809	164.855.375.903
Chi phí vật liệu	1.170.053.625	2.216.954.756
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.460.180.137	8.815.655.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.889.969.454	12.382.592.499
Thuế, phí và lệ phí	1.770.638.490	9.045.702.056
Chi phí dự phòng	3.373.822.203	18.086.985.123
Trích quỹ khoa học công nghệ	24.600.000.000	29.630.611.284
Chi phí bằng tiền khác	60.227.927.645	94.427.732.345
	<u>305.759.979.363</u>	<u>339.461.609.418</u>

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.972.199.081	7.158.901.283
Thu từ cho thuê mặt bằng	24.129.839.129	21.890.505.930
Thu nhập khác	76.909.220.313	57.102.133.493
	<u>103.011.258.523</u>	<u>86.151.540.706</u>

6.8 Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	-
Phạt vi phạm hành chính	159.799.378	1.253.589.580
Thu nhập khác	9.612.388.968	11.896.046.857
	<u>9.772.188.346</u>	<u>13.149.636.437</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực là mua bán xe – phụ tùng xe, dịch vụ kèm theo,... và chủ yếu tập trung hoạt động ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

7.2 Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 của các công ty con là Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé và Công ty Cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn đã được trình bày lại, việc trình bày lại này làm thay đổi số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	31/12/2016 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	01/01/2017 Số liệu sau điều chỉnh VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Phải thu ngắn hạn khác	136	147.940.074.132	84.301.033	148.024.375.165
Nguyên giá TSCĐ vô hình	228	32.951.707.886	81.000.000	33.032.707.886
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình	229	(13.040.865.293)	(19.800.000)	(13.060.665.293)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	216.971.825.005	(11.587.502)	216.960.237.503
Phải trả ngắn hạn khác	319	236.621.656.177	37.708.394.730	274.330.050.907
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	266.862.435.496	(10.908.300.000)	255.954.135.496
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	78.766.336.002	338.620.000	79.104.956.002
Quỹ đầu tư phát triển	418	226.270.459.398	(26.981.626.195)	199.288.833.203

	Mã số	Năm 2016 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Năm 2016 Số liệu sau điều chỉnh VND
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất				
Doanh thu hoạt động tài chính	21	50.868.404.869	232.138.889	51.100.543.758
Chi phí tài chính	22	24.813.249.062	16.747.312	24.829.996.374
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	339.184.189.418	277.420.000	339.461.609.418
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	89.804.135.174	(11.587.502)	89.792.547.672
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	682.367.131.902	(50.440.921)	682.316.690.981
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	636.926.417.958	(50.440.921)	636.875.977.037

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

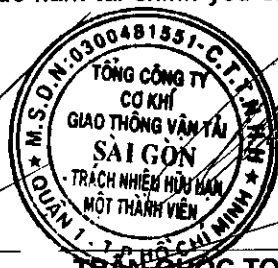
	Mã số	Năm 2016 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Năm 2016 Số liệu sau điều chỉnh VND
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Lợi nhuận trước thuế	01	776.116.666.802	(62.028.423)	776.054.638.379
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(49.699.789.723)	(232.138.889)	(49.931.928.612)
Chi phí lãi vay	06	39.074.167.426	16.747.312	39.090.914.738
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	11.387.789.845	232.138.889	11.619.928.734
(Tăng)/giảm các khoản phải trả	11	(295.000.046.114)	45.281.111	(294.954.765.003)

7.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.


 NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ
 Người lập


 PHẠM HOÀNG HIỆP
 Kế toán trưởng




 TRẦN QUỐC TOÀN
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2018